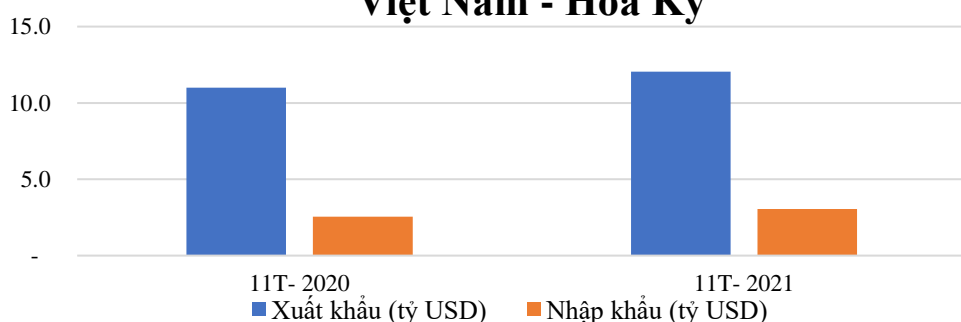


# BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

## Thị trường HOA KỲ



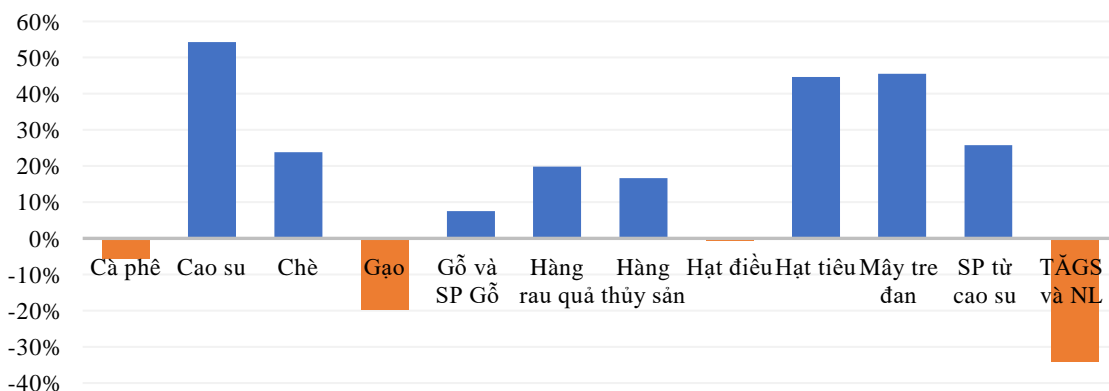
### Xuất khẩu và Nhập khẩu NLTS Việt Nam - Hoa Kỳ



So sánh Kim ngạch XNK NLTS Việt Nam – Hoa Kỳ (11T – 2021/2020)

- Xuất khẩu ▲ 22,1%
- Nhập khẩu ▲ 8,8%

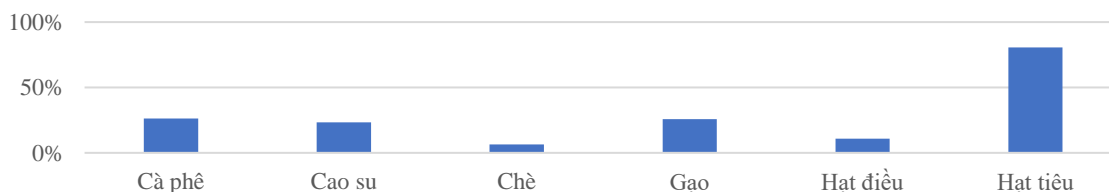
### Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Hoa Kỳ 11T-2021 so với 11T-2020



### So sánh T11-2021/2020

- Cà phê ▼ 5,8%
- Cao su ▲ 54,2%
- Chè ▲ 23,8%
- Gạo ▼ 19,9%
- Gỗ và SP Gỗ ▲ 7,6%
- Rau quả ▲ 19,8%
- Thủy sản ▲ 16,7%
- Hạt điều ▼ 0,7%
- Hạt tiêu ▲ 44,7%
- Mây tre đan ▲ 45,5%
- SP từ cao su ▲ 25,8%
- TĂGs và NL ▼ 34,1%

### Biến động giá xuất khẩu bình quân của NLTS chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 11/2021 so với tháng 11/2020



### So sánh giá xuất khẩu bình quân T11-2021/2020

- Cà phê ▲ 26,4%
- Cao su ▲ 23,2%
- Chè ▲ 6,5%
- Gạo ▲ 25,8%
- Hạt điều ▲ 10,9%
- Hạt tiêu ▲ 80,6%

## TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, tính đến tháng 11/2021, Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) lớn nhất của Việt Nam, chiếm 27,5% tổng xuất khẩu NLTS. Trong mối quan hệ thương mại giữa hai nước về mặt hàng NLTS, Việt Nam luôn là nước xuất siêu. Trong 11 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 12 tỷ USD, tăng 22% so với cùng kỳ năm 2020, trong khi nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường này chỉ ở mức 3,1 tỷ USD, tăng 20% so với cùng kỳ năm 2020.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 11/2021 là gỗ và các sản phẩm gỗ (chiếm 64%), thủy sản (15,7%), hạt điều (8,2%). So với tháng 10/2021, một số mặt hàng NLTS đã Việt Nam đã xuất khẩu sang Hoa Kỳ đều có kim ngạch tăng như: gạo tăng 87,3%; chè tăng 87,3%; gỗ và sản phẩm gỗ 47,6% và mây tre đan tăng 46%. Một số mặt hàng có xu hướng giảm như: cà phê giảm 2,6%; thức ăn chăn nuôi giảm 5,3%. *(Chi tiết tại phụ lục đính kèm).*

Hoa Kỳ là vừa là quốc gia xuất khẩu nông sản hàng đầu nhưng đồng thời cũng là quốc gia nhập khẩu nông sản lớn nhất thế giới. Dự báo năm 2022 xuất khẩu nông sản của Hoa Kỳ sẽ đạt trên 175 tỷ USD và giá trị nhập khẩu khoảng 165 tỷ USD, điều này cho thấy quy mô thị trường tiêu thụ nông sản thực phẩm của Hoa Kỳ là rất lớn.

Một số nhóm sản phẩm có tỉ trọng nhập khẩu lớn bao gồm thủy sản, nông sản nhiệt đới, gia vị chiếm đến trên 90%, rau quả tươi, hạt thực vật, nước trái cây tỉ trọng nhập khẩu chiếm từ 20 – 50%. Những sản phẩm mà Việt Nam có thế mạnh cũng là nhóm hàng chiếm tỉ trọng nhập khẩu lớn.

Đối với xuất khẩu nông lâm thủy sản của Việt Nam thì trong 11 tháng 2021, Hoa Kỳ tiếp tục trở thành thị trường nhập khẩu lớn nhất với giá trị đạt trên 10 tỷ USD, trong đó gỗ và sản phẩm gỗ cùng nhóm hàng thủy sản chiếm tỉ trọng lớn nhất; nhóm hàng nông sản mặc dù chiếm tỉ trọng khiêm tốn nhưng cũng đạt được mức tăng khá ấn tượng so với cùng kỳ năm trước.

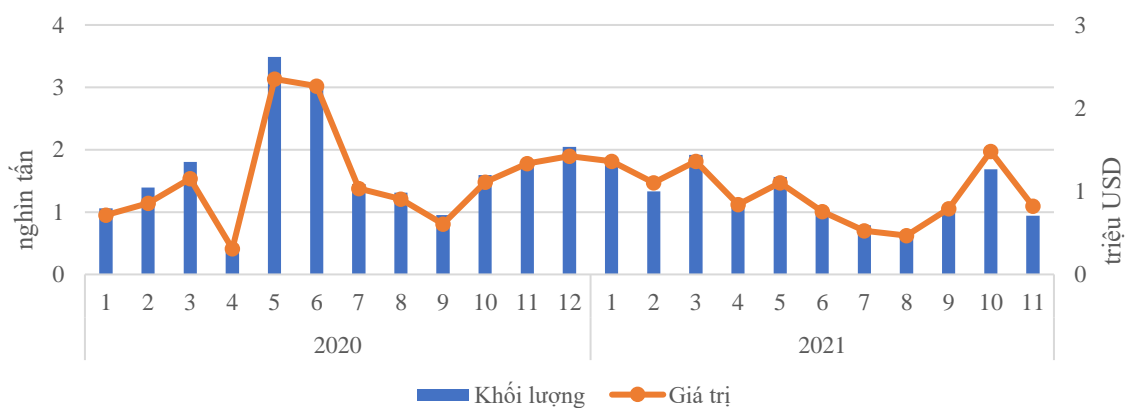
Mặc dù Việt Nam được coi là 1 trong 10 đối tác thương mại lớn nhất của Mỹ, tuy nhiên tổng giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản chỉ chiếm khoảng 1 – 2% giá trị nhập khẩu nông sản của Hoa Kỳ nên có thể thấy dư địa xuất khẩu còn rất nhiều, quan trọng là chúng ta có khả năng đáp ứng được hay không.

## CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

### 1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 11/2021, Việt Nam xuất khẩu được 0,9 nghìn tấn gạo, trị giá 0,8 triệu USD sang thị trường Hoa Kỳ, giảm 44,1% về khối lượng và 44,4% về giá trị so với tháng trước; và giảm 47,5% về khối lượng và 38,4% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 11 tháng đầu năm 2021 đạt 13,8 nghìn tấn, trị giá 10,6 triệu USD, giảm 24,5% về khối lượng và 16,1% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

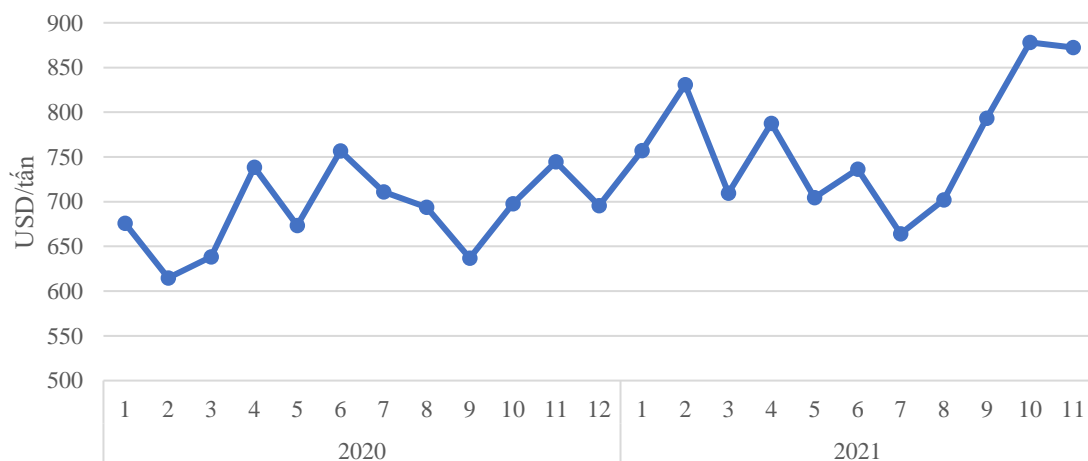
**Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tháng 11/2021 đạt 872,3 USD/tấn, giảm 0,7% so với tháng trước nhưng tăng 17,2% so với cùng kỳ năm 2020.

**Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ**

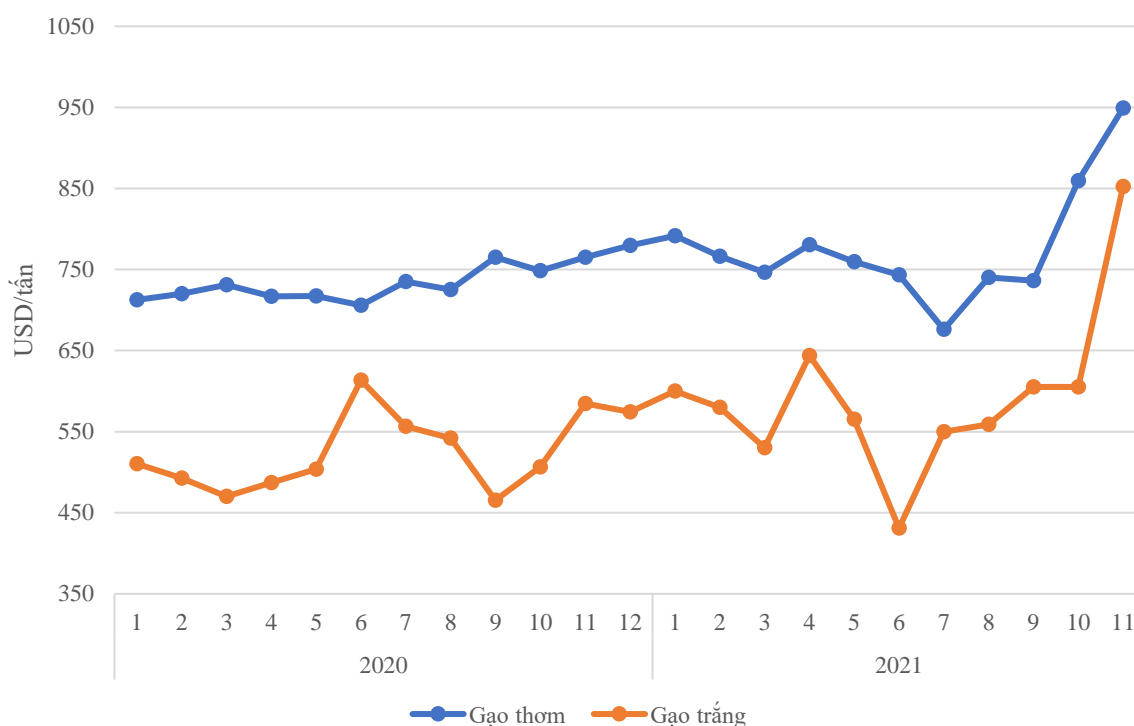


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 11/2021, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 0,8 nghìn tấn, trị giá 0,7 triệu USD (chiếm 86,2% về khối lượng và 87,0% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang Hoa Kỳ đã giảm 31,8% về khối lượng và 24,2% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo thơm tháng 11/2021 đạt trung bình 948,9 USD/tấn, tăng 10,4% so với tháng trước và 24,0% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngoài ra, giá gạo trắng đạt 852,2 USD/tấn, tăng 40,9% so với tháng trước và 45,8% so với cùng kỳ năm ngoái.

**Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

*Ghi chú: Giá gạo trắng không bao gồm các loại gạo hữu cơ*

## 2. RAU QUẢ

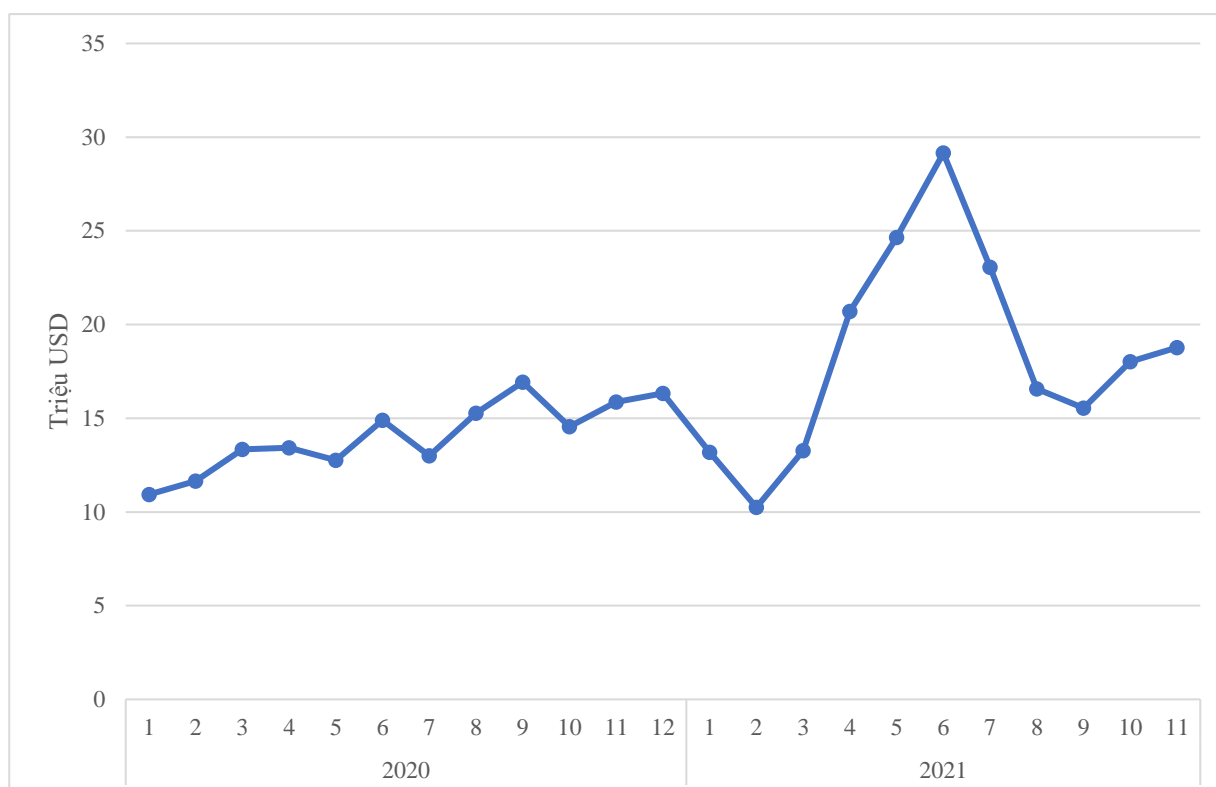
Theo Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, 9 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu hàng rau quả chế biến của nước này đạt 7,4 tỷ USD, tăng 17% so với cùng kỳ năm 2020. Các chủng loại nhập khẩu bao gồm: quả, quả hạch và các phần khác ăn được của cây, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác, v.v. (mã HS 2008) và các loại nước ép trái cây và nước rau ép, chưa lên men và chưa pha thêm rượu, đã hoặc chưa pha thêm đường chất làm ngọt khác (mã HS 2009) với trị giá chiếm tỷ trọng cao nhất.

Giá gừng Trung Quốc tại Chicago, Hoa Kỳ trung bình trong tháng 11/2021 đạt 1,45 USD/lbs (tương đương với 0,66 USD/kg) giảm 18% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá có xu

hướng giảm trong tháng 12/2021 là do nguồn cung dồi dào ở Trung Quốc, sau khi diện tích trồng gừng được mở rộng (tăng khoảng 10-30% trong niên vụ 2021/22).

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 10 năm 2021 đạt 18,8 triệu USD, chiếm 7,2% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, tăng 4,1% so với tháng trước và tăng 18,4% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 11 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hoa Kỳ đạt 203,2 triệu USD, chiếm 6,2% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 33,2% so với cùng kỳ năm 2020.

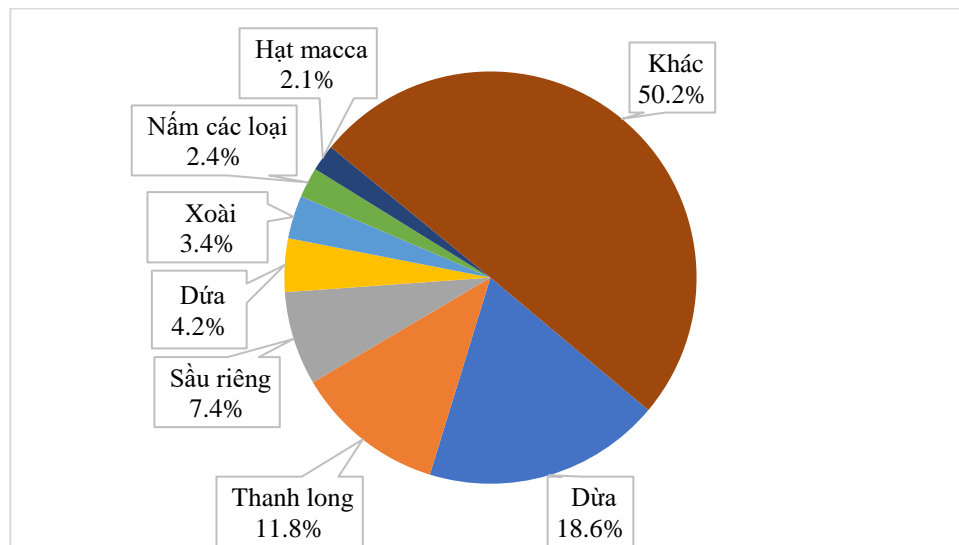
**Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 11 năm 2021, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 7,8 triệu USD (chiếm 43,9% thị phần, giảm 4,5% so với cùng kỳ năm 2020) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 10,9 triệu USD (chiếm 60,2% thị phần), tăng 43,4%, trong đó: (i) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 04 triệu USD (tăng 72,4% so với cùng kỳ năm trước); (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) đạt 3,5 triệu USD (tăng 71,0%); (iii) trái cây ngâm, cô đặc, mứt dẻo (mã HS.2007) đạt 1,4 triệu USD (tăng 6,3%); (iv) rau chế biến (không đông lạnh) (mã HS.2005) đạt 1,3 triệu USD (tăng 101,6%); v.v.

Trong tháng 11 năm 2021, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ nhiều nhất bao gồm: dưa đạt 3,5 triệu USD (chiếm 18,6% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 150,4% so với cùng kỳ năm 2020; thanh long đạt 2,2 triệu USD (chiếm 11,8%), giảm 32,1%; sầu riêng đạt 1,4 triệu USD (chiếm 7,4%), tăng 69,1%; dứa đạt 787,6 nghìn USD (chiếm 4,2%), tăng 45,5%; v.v.

**Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 11 năm 2021**

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hoa Kỳ tháng 11 năm 2021 đạt 32 triệu USD, chiếm 21,1% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 23,9% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 11 tháng đầu năm 2021, giá trị nhập khẩu rau quả từ Hoa Kỳ đạt 278,6 triệu USD (chiếm 16,3%), tăng 4,0% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng 11/2021, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: hạt dẻ đạt 15,2 triệu USD, chiếm 47,4% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 431,8% so với cùng kỳ năm 2020; nho đạt 6,2 triệu USD (chiếm 19,5%), giảm 28,0%; hạnh nhân đạt 6,1 triệu USD (chiếm 19,0%), tăng 0,7%; táo đạt 1,6 triệu USD (chiếm 5,1%), giảm 72,1%; khoai tây đạt 1,5 triệu USD (chiếm 4,7%), tăng 2,6%; v.v.

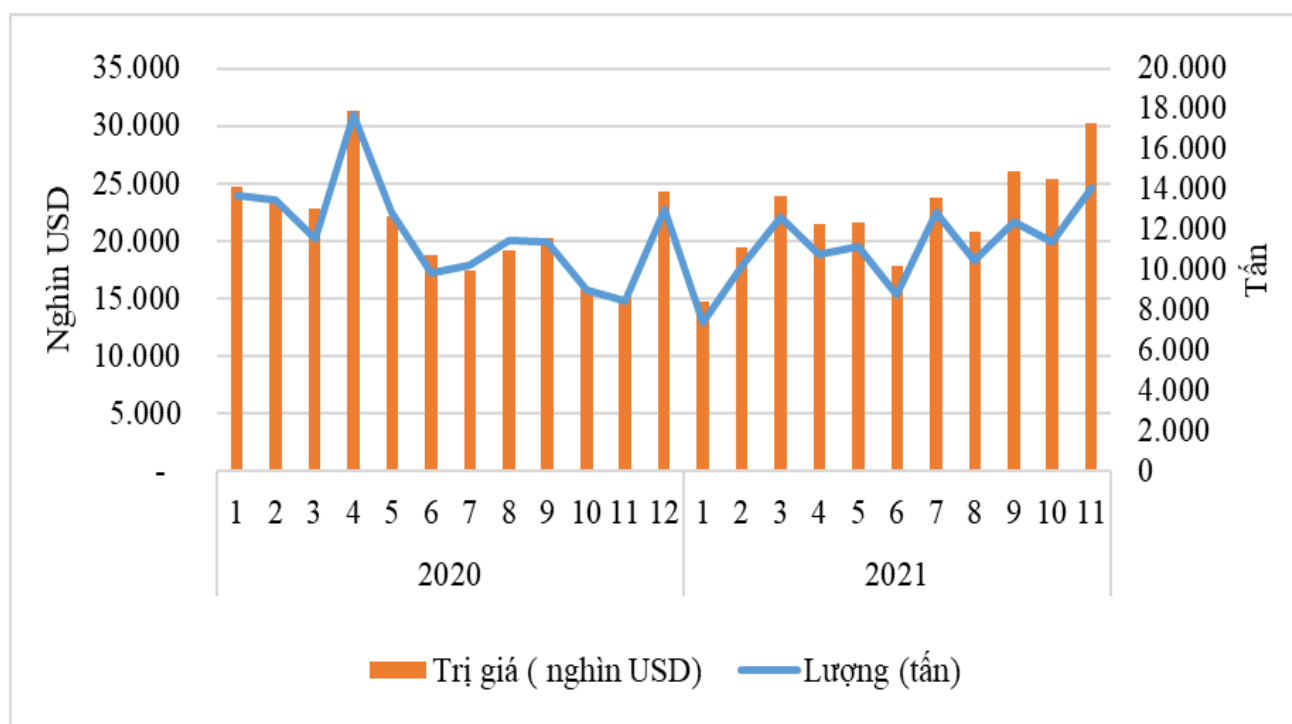
### 3. CÀ PHÊ

Hiệp hội Cà phê Xanh của Hoa Kỳ báo cáo các kho dự trữ tại cảng của nước này đã giảm 46.816 bao, tương đương 0,78% trong tháng 10, đạt 5.976.107 bao vào cuối tháng. Trong tổng số này, 71.602 bao đã được đăng ký tại các kho dự trữ cà phê được Chứng nhận của Hoa Kỳ tại thời điểm báo cáo. Với mức tiêu thụ hàng tuần ước tính của Hoa Kỳ và Canada được hỗ trợ bởi các kho dự trữ này là khoảng 595.000 bao mỗi tuần, có thể sẽ được bảo tồn ít nhất 1,2 triệu bao. Đây là tháng thứ hai liên tiếp mức dự trữ cà phê xanh của Mỹ giảm. Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu cà phê lớn thứ 2 của Việt Nam, chiếm khoảng 10% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 10/2021 đạt 11.399 tấn, trị giá 26,38 triệu USD, giảm 8% về khối lượng và giảm 2% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2020, xuất khẩu cà phê giảm 37% về khối lượng và giảm 20% về giá trị. Lũy kế 10 tháng đầu năm 2021 đạt 107.893 tấn, trị giá 214,85 triệu USD, tăng 31,12% về lượng và tăng 17,13% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

Hiệp hội Cà phê Xanh Hoa Kỳ đã thông báo các kho dự trữ tại cảng của nước này đã giảm 132.386 bao, tương đương 2,22% trong tháng 11, lượng tồn kho này ở mức 5.843.721 bao vào cuối tháng. Trong tổng số này, 65.291 bao đã được đăng ký trong các kho dự trữ cà phê được chứng nhận của Hoa Kỳ tại thời điểm báo cáo. Với mức tiêu thụ hàng tuần ước tính kết hợp của Hoa Kỳ và Canada được hỗ trợ bởi các kho dự trữ này khoảng 595.000 bao mỗi tuần, sẽ được bảo tồn ít nhất 1,2 triệu bao, tương đương với 12 tuần hoạt động rang xay. Đây là tháng thứ ba liên tiếp giảm mức dự trữ Cà phê Xanh của Hoa Kỳ. Dự báo dự trữ cà phê trên thị trường tiêu dùng tiếp tục giảm phần nào khi các nhà rang xay chuyển sang dự trữ trong nước do bối cảnh vận chuyển và hậu cần toàn cầu vẫn còn khó khăn. Việc quay trở lại trường học, nơi làm việc đang giúp cải thiện hoạt động kinh doanh tại các nhà hàng và quán café ở Mỹ

Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu cà phê lớn thứ 2 của Việt Nam, chiếm khoảng 10% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 11/2021 đạt 14.060 tấn, trị giá 30,24 triệu USD, tăng 23,348% về khối lượng và tăng 19,15% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2020, xuất khẩu cà phê tăng 66,19% về khối lượng và tăng 99,8% về giá trị. Lũy kế 11 tháng đầu năm 2021 đạt 121.953 tấn, trị giá 245 triệu USD, tăng 6,25% về lượng và giảm 5,84% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

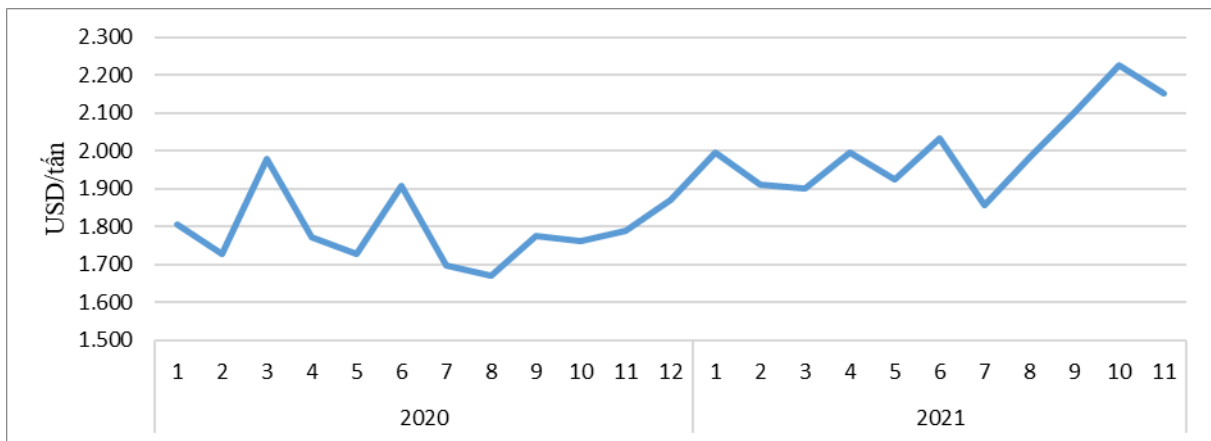
**Hình 6. Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Tháng 11/2021, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ đạt trung bình 2.150 USD/tấn, giảm 3,4% so với tháng trước, đồng thời tăng 20,2% so với cùng kỳ năm 2020.

**Hình 7. Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ**

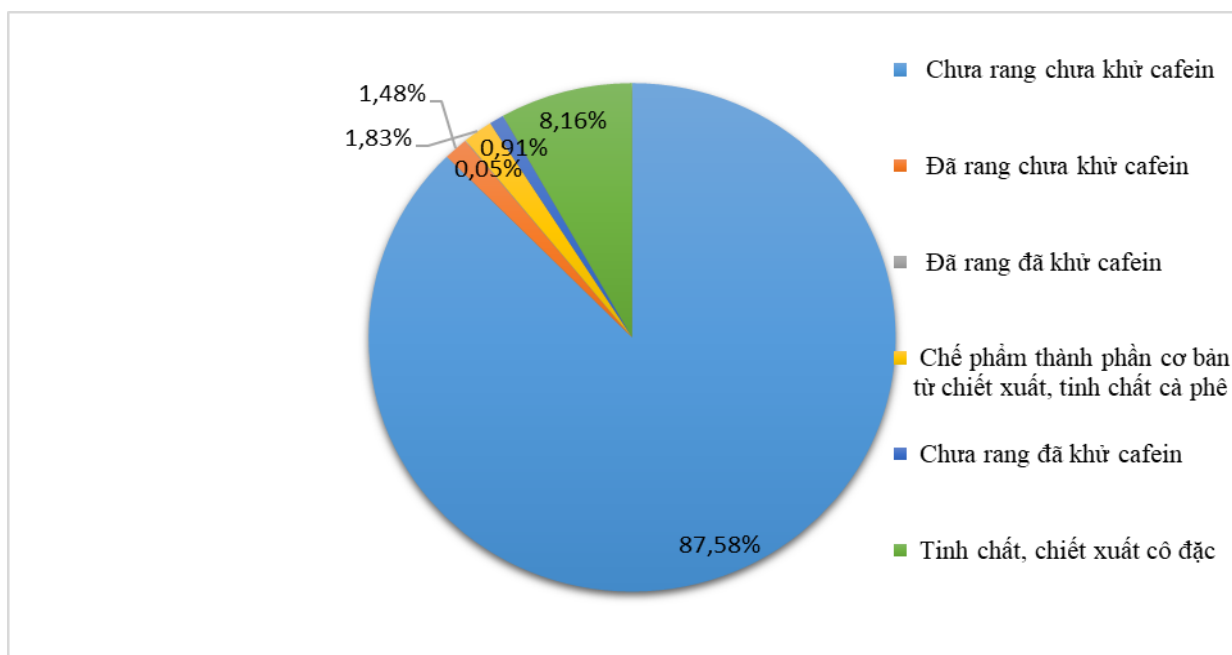


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Về cơ cấu sản phẩm tháng 11/2021, cà phê nhân chiếm tỷ trọng 90,02%, cà phê chế biến chiếm tỷ trọng 9,98%, tỷ trọng cà phê chế biến giảm 5,89% so với cùng kỳ năm 2020 cụ thể như sau:

Cà phê chưa rang, chưa khử caffein đạt 65,51 triệu USD, chiếm tỷ trọng cao nhất là 87,58%, tăng 36,44% so cùng kỳ. Tiếp đến là tinh chất, chiết xuất cô đặc đạt 5,82 triệu USD, chiếm 8,16%, giảm 2,42% so cùng kỳ. Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê đạt 1,3 triệu USD, chiếm 1,83%, giảm 65% so với cùng kỳ. Cà phê đã rang, chưa khử caffein đạt 1,05 triệu USD, chiếm tỷ trọng 1,48%, giảm 26,58% so với cùng kỳ.

**Hình 8. Cơ cấu sản phẩm, cà phê xuất khẩu sang Hoa Kỳ tháng 11/2021**



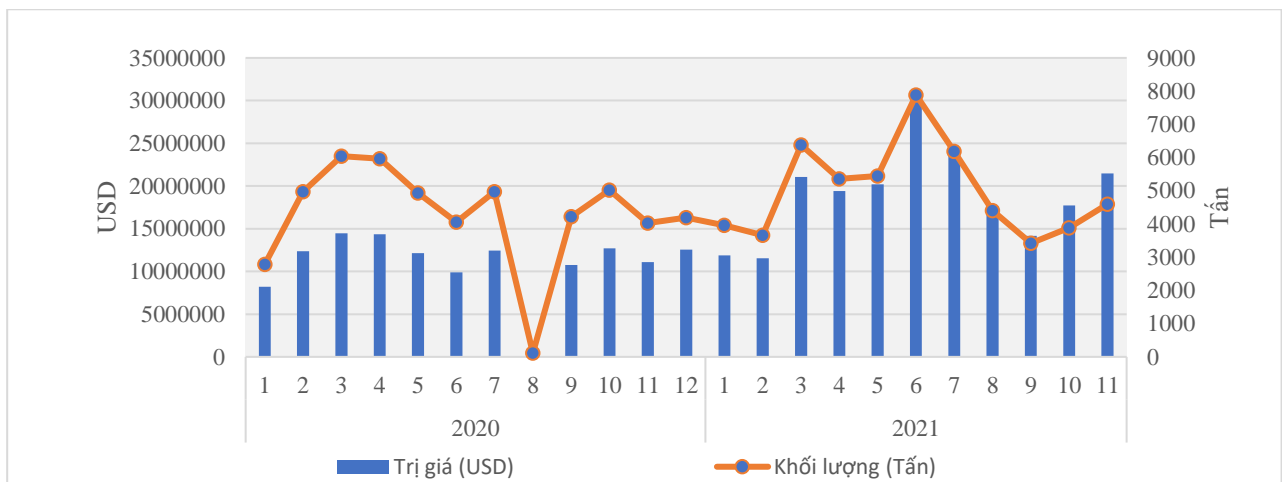
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*



## 4. HỒ TIÊU

Theo công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 11/2021 đạt 4.598 tấn, tương ứng với 21,5 triệu USD, tăng 18,54% về khối lượng và 21,23% về giá trị so với tháng 10/2021. So với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này tăng 18,54% về khối lượng nhưng tăng 21,23% về giá trị.

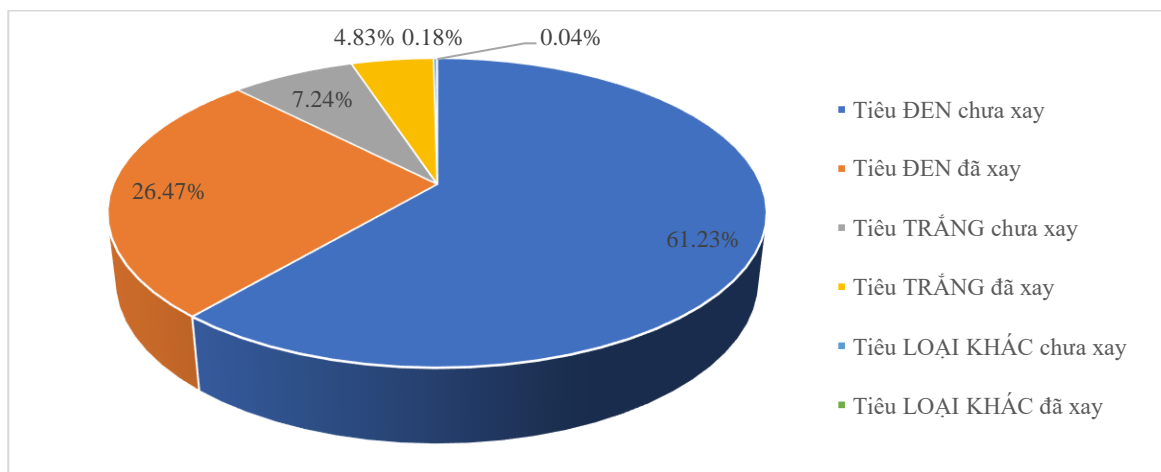
**Hình 9: Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 11/2021, tiêu đen chưa xay vẫn là loại sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 61,23% tổng giá trị tiêu các loại xuất khẩu xuất sang Hoa Kỳ, tăng 4,17% so với tháng trước đó và tăng 11,71% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu đen đã xay, chiếm 26,47%, tăng 19,18% so với tháng trước và tăng 11,71% so với cùng kỳ năm trước.

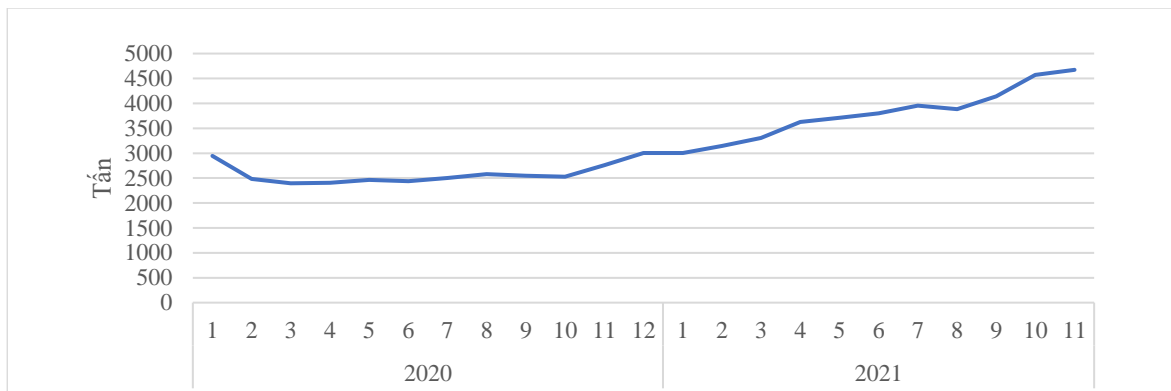
**Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 11/2021**



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu trung bình của hồ tiêu Việt Nam vào thị trường này trong tháng 10/2021 đạt 4.673 USD/tấn tăng 2,3% so với tháng trước và 69,5% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 11: Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ**

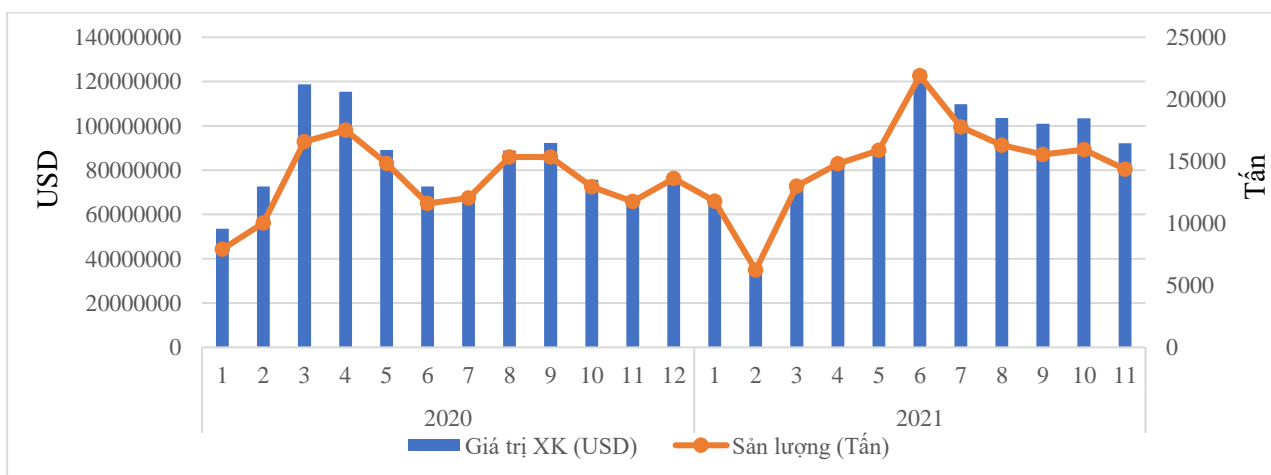


Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

## 5. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 11/2021, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ đạt 14,4 nghìn tấn, trị giá 92,2 triệu USD, 22,2% về khối lượng và 34,9% về giá trị so với tháng cùng kỳ năm trước. Tính hết 11 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này đạt 973,7 triệu USD, tương ứng với 163,5 nghìn tấn, tăng 6,3% về giá trị và 12,1% về sản lượng so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 42. Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ**

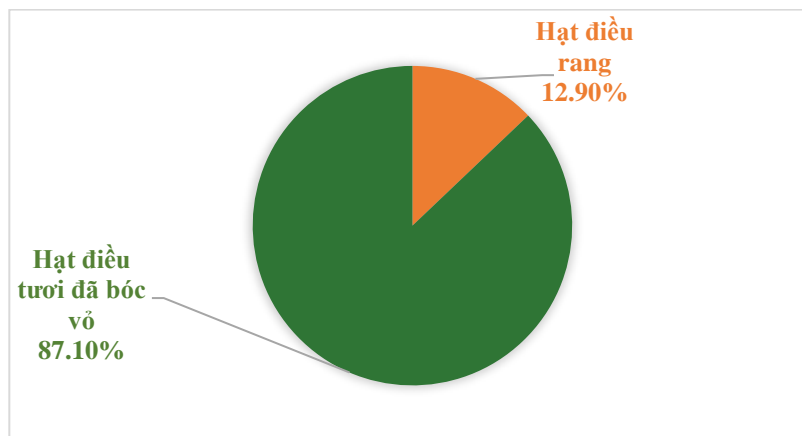


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu điều sang thị trường này vẫn chủ yếu là hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tới 87,1%, đạt 80,3 triệu USD, tăng 29% so với cùng kỳ năm trước và giảm

13,7% so với tháng trước; hạt điều rang đạt 11,9 triệu USD chiếm 12,9%, tăng 100,7% so với cùng kỳ năm trước và 18,2% so với tháng trước.

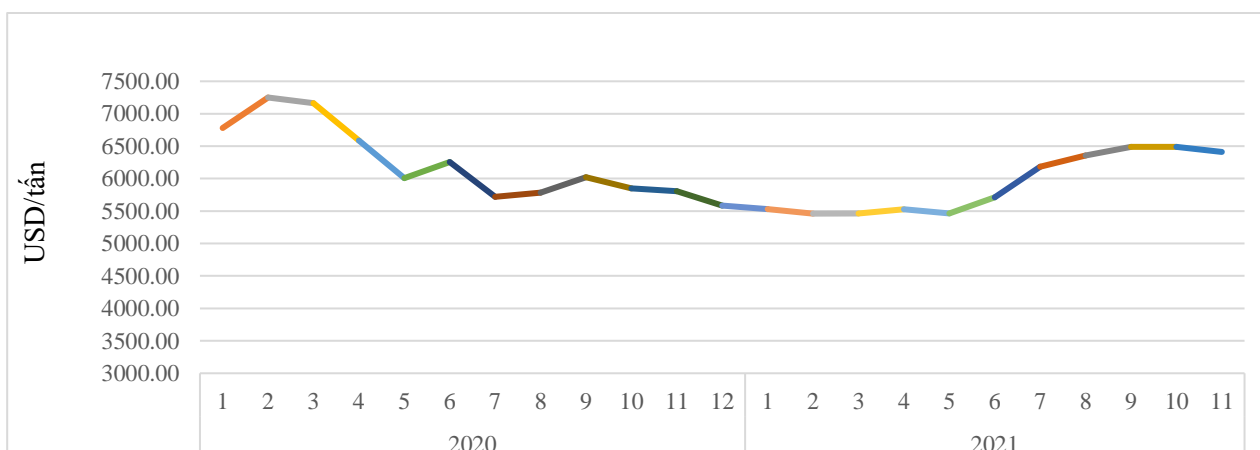
**Hình 13. Cơ cấu sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ**



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường Hoa Kỳ có suy hướng giảm nhẹ sau hơn 5 tháng tăng liên tục. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân tháng 11/2021 đạt 6.411 nghìn USD/tấn, giảm 1,2% so với tháng trước nhưng tăng 10,4% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, giá xuất khẩu hạt điều tươi đã bóc vỏ sang thị trường này trung bình đạt 6,3USD/kg, tăng 1,6% so với tháng trước và 13,1% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 14: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

## 6. THỦY SẢN

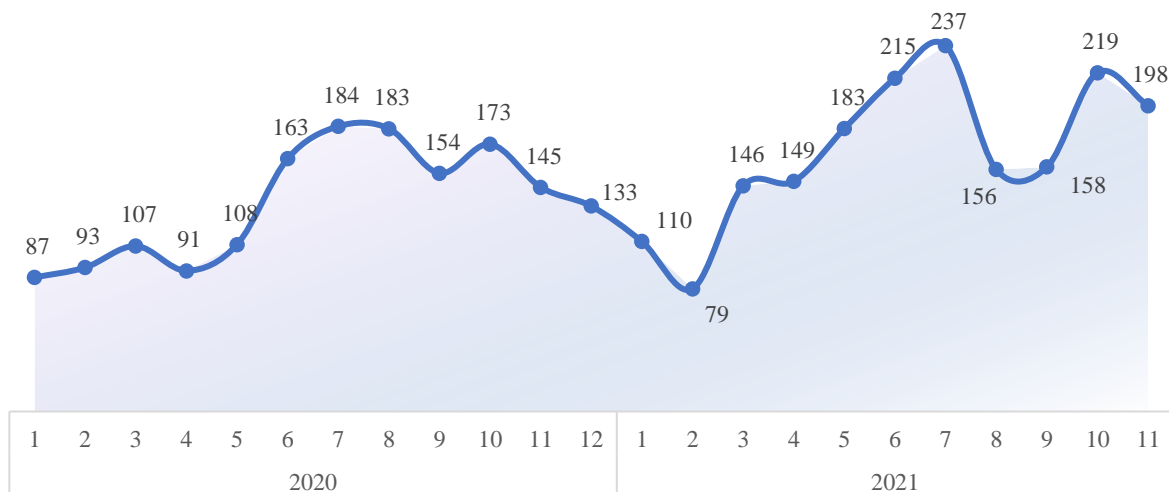
Doanh thu tiêu thụ thủy sản của Hoa Kỳ tháng 11/2021 giảm do chuỗi cung ứng bị gián đoạn. Theo đó, doanh thu bán thủy sản tươi sống trong tháng 11/2021 giảm 0,3% so với cùng kỳ năm ngoái; trong khi doanh thu bán hàng chế biến giảm 3,5%. Nguồn cung

thủy sản có vỏ đã bị ảnh hưởng, doanh thu bán lẻ thủy sản có vỏ giảm 9,1%. Doanh thu bán cá tươi tăng 4,3%.

Hoa Kỳ tiếp tục duy trì vị trí số 1 trong các nước xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Theo tổng cục hải quan, Tính chung 11 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt trên 1,8 tỷ USD, tăng 24,3% so với cùng kỳ năm 2020.

**Hình 55. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 11/2021**

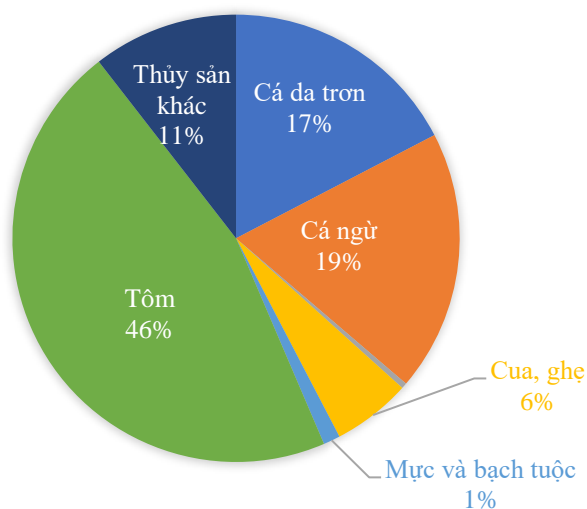
ĐVT: Triệu USD



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 11/2021, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt hơn 197,7 triệu USD, tăng 36,4% so với cùng kỳ năm 2020, và giảm 9,7% so với tháng trước. Tôm là mặt hàng thủy sản lớn nhất xuất khẩu sang thị trường này trong tháng 11/2021, chiếm 45,9%, cá ngừ chiếm 18,9%.

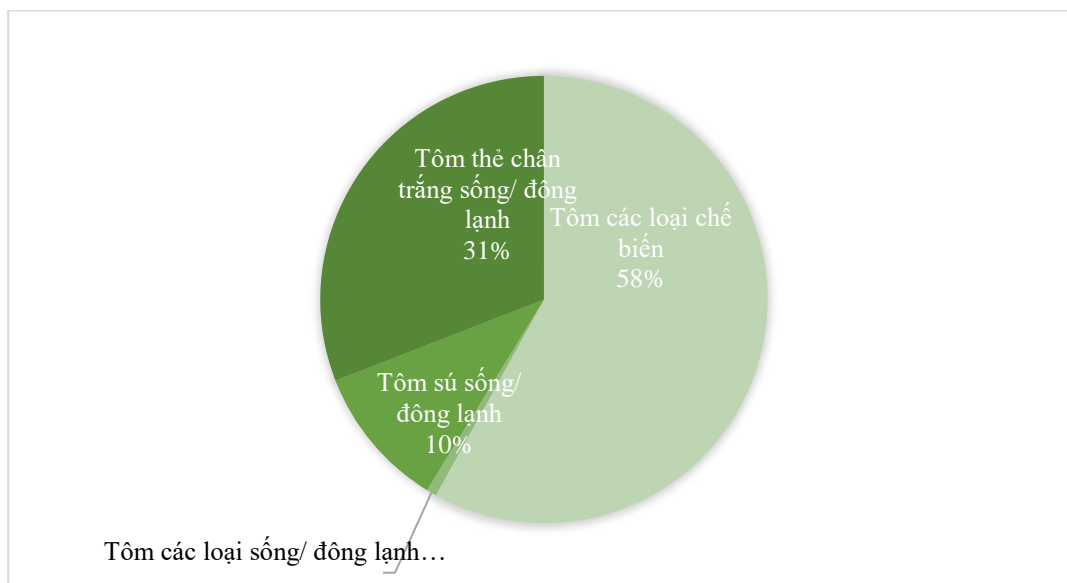
**Hình 16. Cơ cấu xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 11/2021**



Nguồn: Tổng cục hải quan

Tháng 11/2021, xuất khẩu tôm chế biến các loại của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ đạt 52,7 triệu USD, chiếm 58% giá trị xuất khẩu sang thị trường này, tăng 3% so với tháng 11/2020; tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 28,1 triệu USD, chiếm 30,9%, tăng 49,3%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 9,4 triệu USD, chiếm 10,3%, tăng 195,5%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,7 triệu USD, chiếm 0,7%, tăng 7,4%.

**Hình 17. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hoa Kỳ tháng 11/2021**

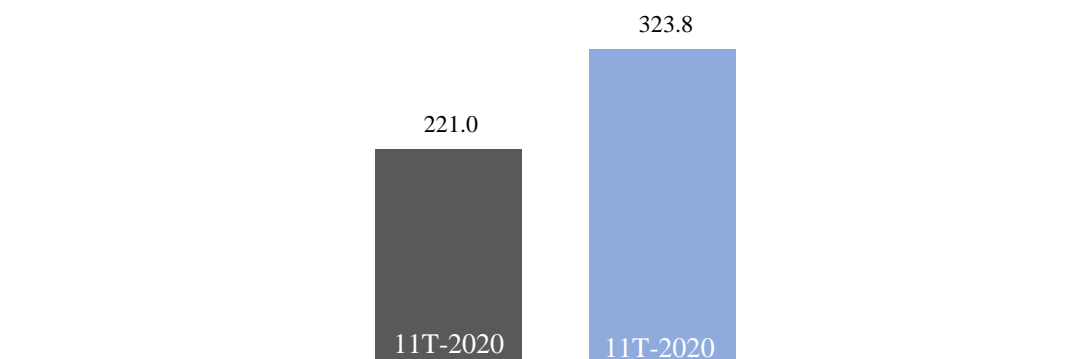


*Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan*

Xuất khẩu cá da trơn sang thị trường này tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước (tăng 54,4%), nhưng giảm 18,1% so với tháng 10/2021. Tính chung 11 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu cá tra sang thị trường này đạt 323,8 triệu USD, tăng 46,5% so với cùng kỳ năm 2020.

**Hình 18. Giá trị xuất khẩu cá tra sang thị trường Hoa Kỳ 11 tháng 2020/2021**

DVT: Triệu USD



*Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan*

Tháng 11/2021, giá trị sản phẩm cá tra phi lê xuất khẩu sang thị trường này đạt 34,1 triệu USD, chiếm hơn 99% giá trị cá da trơn xuất khẩu sang thị trường này tăng 56,5% so với cùng kỳ năm 2020, nhưng giảm 18,1% so với tháng trước. Cá tra sống/ đông lạnh trừ phi lê đạt 0,2 triệu USD, giảm lần lượt 46,8% và 21,9% so với cùng kỳ năm trước và tháng trước.

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 11/2021 như sau: Cá ngừ đạt 37,4 triệu USD, tăng 0,7% so với tháng 11/2020; cua, ghẹ đạt 11,3 triệu USD, tăng 86,1%; mực bạch tuộc đạt 2,4 triệu USD, tăng 23,2%; và thủy sản khác đạt 20,8 triệu USD, tăng 10,5%.

Tháng 11/2021, giá xuất khẩu tôm đạt trung bình 11,6 USD/kg, tăng 9,6% so với cùng kỳ năm 2020; cá da trơn đạt 3,1 USD/kg tăng 72,4%. Cụ thể,

**Bảng 1. Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 11/2021**

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	3,1	72,4%	-7,8%
2	Cá ngừ	11,1	20,3%	2,0%
3	Cua, ghẹ			
4	Mực và bạch tuộc	18,3	47,2%	10,0%
5	Tôm	7,2	-51,4%	-55,9%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Theo số liệu thống kê của ITC, Hoa Kỳ là thị trường nhập khẩu thủy sản lớn nhất thế giới và cũng là thị trường nhập khẩu tăng mạnh nhất so với năm 2020 và năm 2019. Trong 9 tháng năm 2021, nhập khẩu thủy sản của Hoa Kỳ đạt 21,4 tỷ USD, tăng 29,4% so với cùng kỳ năm 2020 và tăng 25,6% so với cùng kỳ năm 2019. Tháng 10/2021, nhập khẩu thủy sản của Hoa Kỳ tiếp tục tăng 32,6% so với cùng kỳ năm 2020 và tăng 32,3% so với cùng kỳ năm 2019. So với năm 2019, thời điểm trước đại dịch, doanh thu bán thủy sản đông lạnh cao hơn từ 35-40% và thủy sản tươi sống cao hơn khoảng 30%.

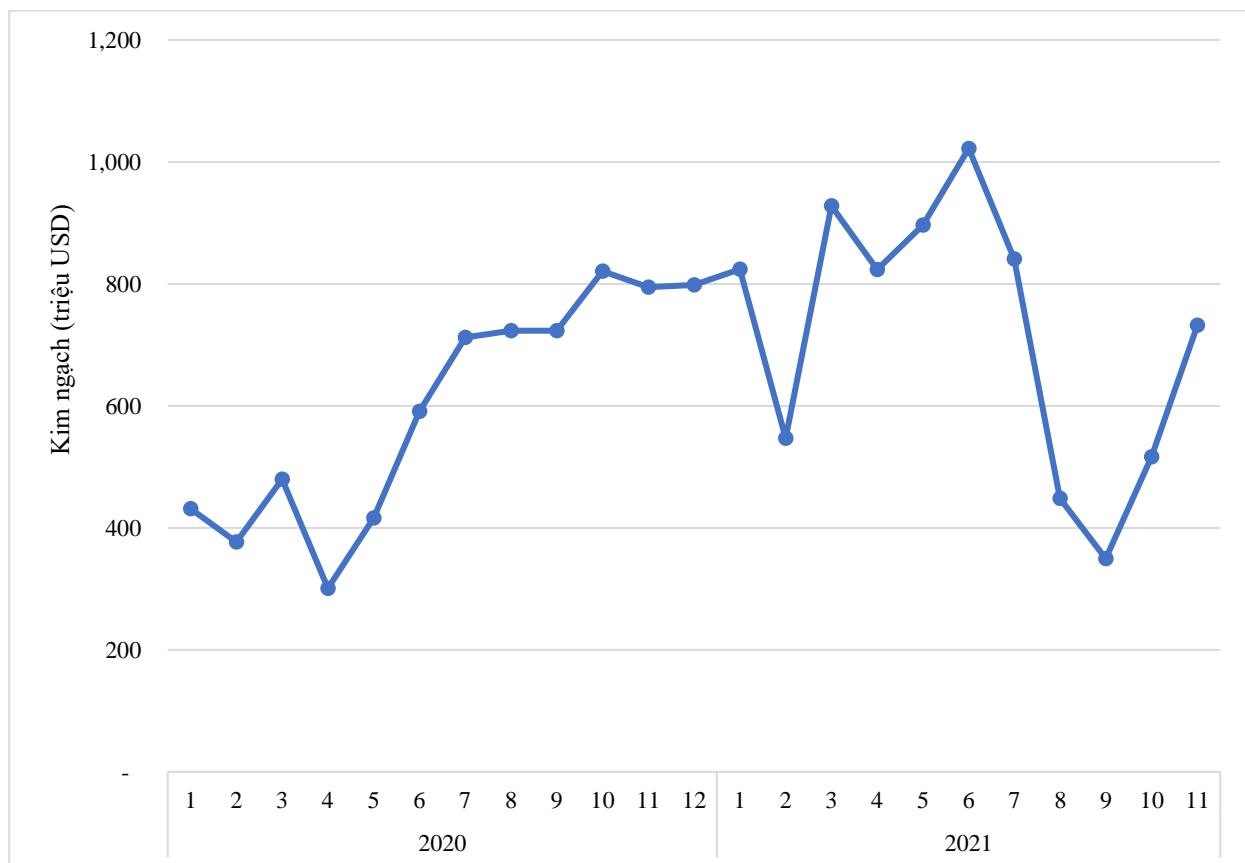
Theo số liệu thống kê của NMFS, nhập khẩu thủy sản của Hoa Kỳ tháng 10/2021 đạt 288,17 nghìn tấn, trị giá 2,57 tỷ USD, tăng 8,4% về lượng và tăng 30,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 10 tháng năm 2021 nhập khẩu thủy sản của Hoa Kỳ đạt 2,73 triệu tấn, trị giá 23,3 tỷ USD, tăng 11,7% về lượng và tăng 28,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 5 cho Hoa Kỳ. Thị phần thủy sản của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ tăng từ 7,6% trong 10 tháng năm 2020, lên 8,6% trong 10 tháng năm 2021.

## 7. GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Nhập khẩu ván ép cứng của Hoa Kỳ đã tăng 3% trong tháng 10/2021 ở mức 315.513 m<sup>3</sup> tăng 20% so với cùng kỳ năm 2020. Nhập khẩu từ Nga đã tăng 41% so với tháng trước và tăng 23% so với cùng kỳ năm 2020. Nhập khẩu từ Malaysia cũng tăng 24% so với cùng kỳ 2020, mặc dù đã tăng 34% trong tháng 10/2021 so với tháng 9/2021.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 11/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 732,3 triệu USD, tăng 41,9% so với tháng trước nhưng giảm 7,8% so với cùng kỳ năm 2020.

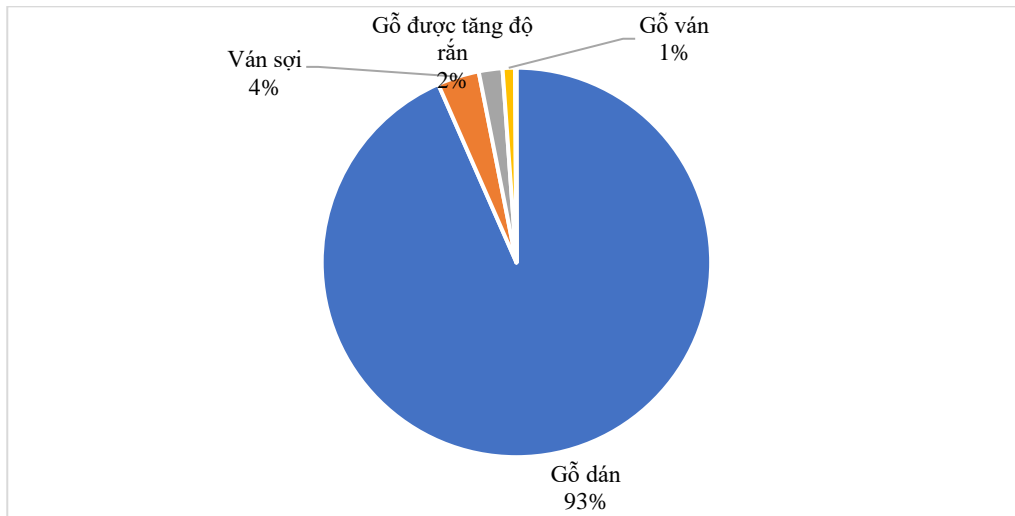
**Hình 6: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 11/2021, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 60,9 triệu USD, chiếm 93,4% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là ván sợi với kim ngạch 2,3 triệu USD, chiếm 3,5% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ được tăng độ rắn và gỗ ván, chiếm lần lượt 2,0% và 1,0% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

**Hình: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 11/2021**

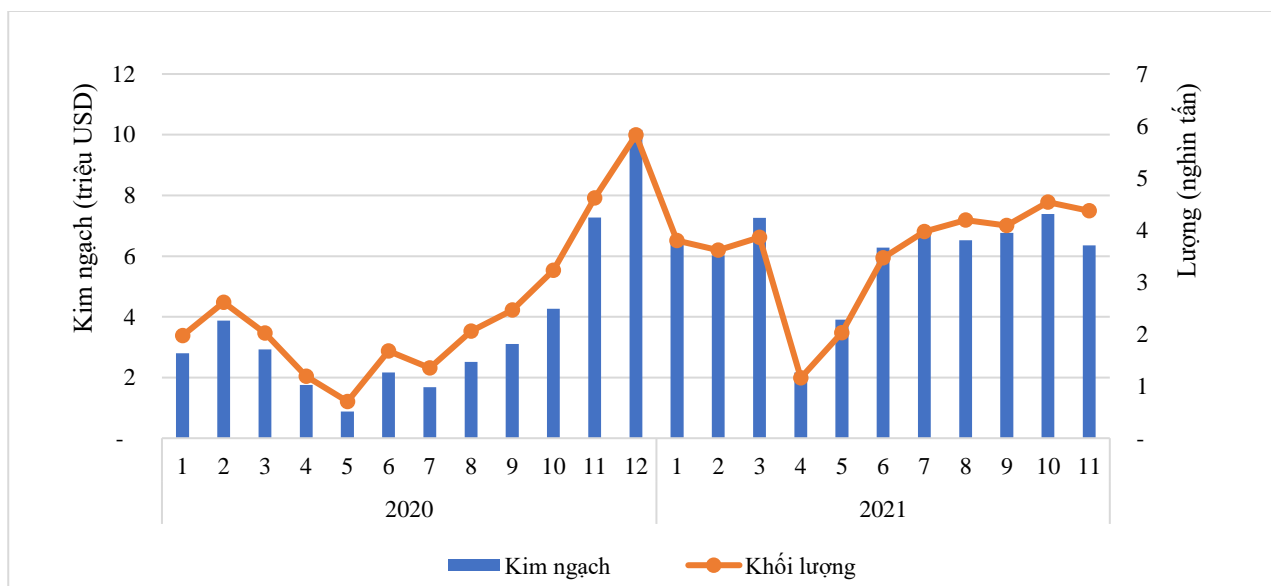


Nguồn: Tổng cục Hải quan

## 8. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 11/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 4,4 nghìn tấn với trị giá 6,4 triệu USD, giảm 3,6% về khối lượng và 14,0% về giá trị so với tháng trước, và giảm 5,3% về khối lượng và 12,6% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

**Hình 7: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ**

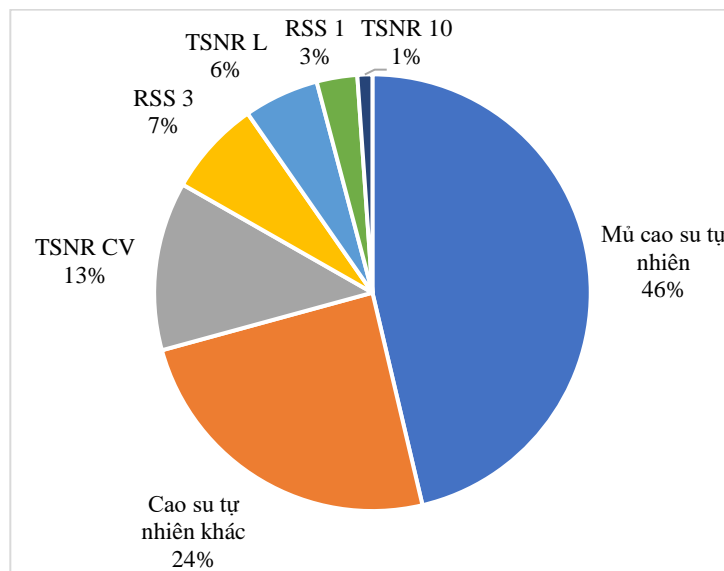


Nguồn: Tổng cục Hải quan



Trong tháng 11/2021, mủ cao su tự nhiên là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 2,9 triệu USD, chiếm 46,3% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cao su TSNR CV với kim ngạch 793,9 nghìn USD, chiếm 12,5% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là RSS 3 và TSNR L, chiếm lần lượt 7,1% và 5,6% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

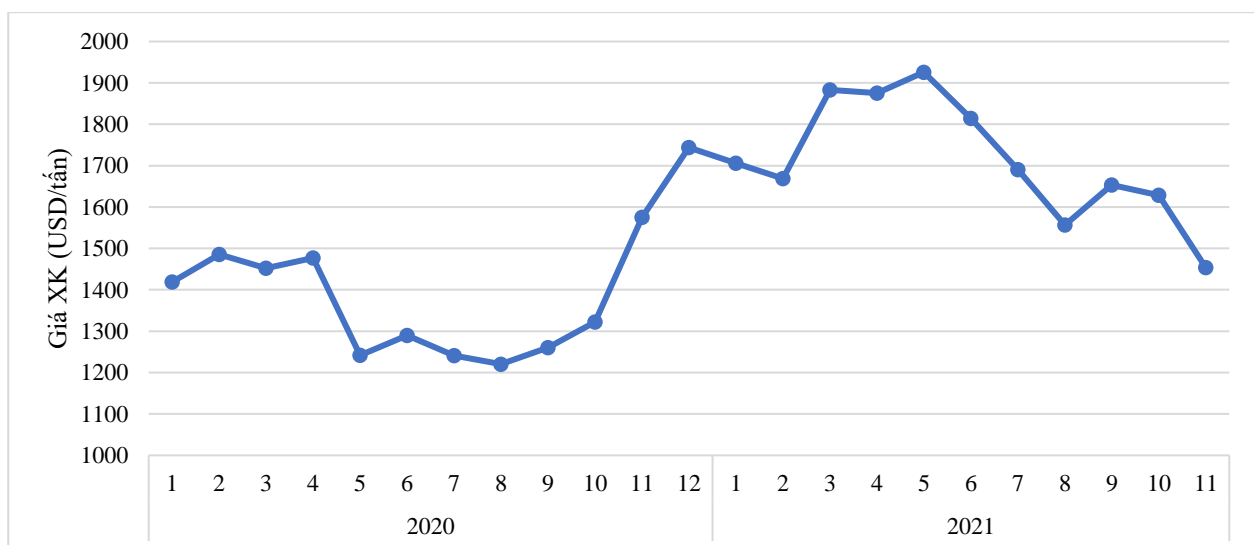
**Hình 8: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 11/2021**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá cao su tự nhiên xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 11/2021 đạt mức 1.454 USD/tấn, giảm 10,7% so với tháng trước và giảm 7,7% so với cùng kỳ năm 2020.

**Hình 9: Giá cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

## NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

### 1. Lúa gạo

Theo ước tính sơ bộ của USDA, trong năm 2021, Hoa Kỳ nhập khẩu khoảng 1,13 triệu tấn gạo giảm 7,0% so với năm 2020. Nguyên nhân chính của sự giảm nhập khẩu này là do tình trạng thiếu hụt container toàn cầu và chi phí vận chuyển tăng cao khiến gián đoạn hoạt động logistics thương mại quốc tế của thế giới nói chung và của ngành gạo nói riêng. USDA dự báo trong năm 2022, nhập khẩu gạo của Hoa Kỳ sẽ tiếp tục giảm khoảng 2,2% so với mức sơ bộ năm 2021 nói trên, xuống mức 1,1 triệu tấn. Dự báo này dựa trên nhận định rằng hoạt động nhập khẩu sẽ tiếp tục bị trì hoãn trong năm 2022 do tình trạng logistic trên khó có thể được xử lý trong ngắn hạn.

### 2. Rau quả

Tại Diễn đàn kết nối nông sản 970 ngày 31/12/2021, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Trần Thanh Nam cho biết, 60 ngày nữa trái bưởi Việt Nam sẽ chính thức được vào thị trường Hoa Kỳ. Tiếp theo, Hoa Kỳ sẽ xem xét, đánh giá để mở cửa cho trái dứa của Việt Nam vào thị trường này. Các doanh nghiệp có nhu cầu, khả năng xuất khẩu bưởi vào Hoa Kỳ thì phối hợp với các đơn vị kiểm dịch thực vật của Việt Nam hoàn tất các hồ sơ để sớm xuất khẩu. Theo Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và PTNT, cả nước có 105.400 ha trồng bưởi, cho sản lượng gần 950 nghìn tấn; trong đó, Đồng bằng sông Hồng với gần 13.000 ha với sản lượng trên 170.000 tấn; trung du miền núi phía Bắc có hơn 30.000 ha với sản lượng 220 nghìn tấn; ĐBSCL có khoảng 32.000 ha với sản lượng khoảng 340.000 tấn, v.v. Riêng từ nay đến quý I/2022, cả nước sẽ thu hoạch khoảng 140.000 tấn bưởi. Đây sẽ là cơ hội tốt để trái bưởi Việt Nam sớm chinh phục được thị trường Hoa Kỳ.

### 3. Cà phê

Theo dự báo tháng 12 của Bộ Nông nghiệp Mỹ, Hoa Kỳ nhập khẩu nhiều thứ 2 sau Liên Minh Châu Âu, dự kiến niên vụ 2021/2022 lượng nhập khẩu sẽ tăng 700.000 bao lên thành 25,0 triệu bao. Các nhà cung cấp hàng đầu bao gồm Brazil (30%), Colombia (21%), Việt Nam (11%) và Nicaragua (5%). Dự trữ cuối kỳ được dự báo sẽ giảm 200.000 bao xuống 5,8 triệu bao. Chỗ dự kiến rất khan hiếm trên tuyến Châu Á-Bắc Mỹ đến cuối năm 2021 và tiếp tục kéo dài đến đầu năm 2022, tạo động lực khiến giá cước tăng cao. Theo dự báo một số chuyên gia trong ngành, sản lượng trên tuyến Châu Á - Bắc Mỹ sẽ tăng mạnh trong nửa đầu năm 2022. Khoảng 15% công suất trong tháng 12 có thể được coi là không khai thác hiệu quả do sự chậm trễ liên quan đến tắc nghẽn, trượt lịch trình và các biện pháp khôi phục lịch trình từ các hãng tàu. Tình trạng tắc nghẽn tại các cảng Los Angeles / Long Beach và Savannah vẫn còn nghiêm trọng. Trong khi đó, các hiện tượng thời tiết gần đây đặt ra thêm nhiều thách thức ở Vancouver. Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương dự báo về trung hạn, giá cà phê sẽ được hỗ trợ bởi các báo cáo sản lượng giảm tại nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có cả cà phê arabica. Trong ngắn hạn, giá cà phê toàn cầu sẽ ổn định do các nước phương Tây sắp bước vào kỳ nghỉ lễ cuối năm.

#### 4. Hồ tiêu

Theo Hiệp hội Hồ tiêu Quốc tế (IPC), việc giá hồ tiêu xuống thấp trong những năm trước khiến người trồng tiêu tại Việt Nam cũng như một số nước sản xuất khác dừng mở rộng diện tích, giảm chăm sóc cây tiêu, một số phá bỏ tiêu để trồng loại cây khác cho giá trị kinh tế cao hơn. Trong khi đó, nhu cầu tiêu dùng hạt tiêu trên thế giới đang có xu hướng phục hồi trở lại. Riêng tại Mỹ, thị trường xuất khẩu hồ tiêu lớn nhất của Việt Nam, lượng hồ tiêu nhập khẩu của nước này từ năm 2019-2021 tăng trưởng bình quân 8%/năm. Trong đó, 65-70% được nhập khẩu từ Việt Nam.

#### 5. Thủy sản

Hoa Kỳ – nền kinh tế phát triển số 1 thế giới – dự báo là có nhu cầu nhập khẩu tôm Việt Nam tăng cao trong năm 2022. Các chuyên gia cho biết rằng thị trường hàng đầu có nhu cầu nhập khẩu tôm của Việt Nam là Mỹ được kỳ vọng lớn sẽ tăng mạnh vào năm 2022 khi nhu cầu nhập khẩu mặt hàng này của Hoa Kỳ tăng và Việt Nam chuyển sang trạng thái thích ứng linh hoạt với đại dịch. Một điểm đáng chú ý mà giới chuyên môn cho biết là các sản phẩm tôm của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ đang trở nên ngày càng cạnh tranh hơn khi thị trường Ấn Độ cũng gặp nhiều rào cản do Đại dịch. Bên cạnh đó, việc Mỹ tăng gấp đôi thuế chống bán phá giá đối với tôm xuất khẩu từ Ấn Độ từ 3% lên 7,15% vào tháng 11/2021 sẽ làm việc xuất khẩu tôm của Ấn Độ sang nền kinh tế phát triển nhất thế giới giảm sút đáng kể.

#### 6. Gỗ và sản phẩm gỗ

Hoa Kỳ là thị trường tiêu thụ hàng hóa lớn nhất thế giới và đang phục hồi rất nhanh sau thời gian chịu ảnh hưởng từ dịch COVID-19 năm 2020. Đối với ngành đồ gỗ nội thất, trong 10 tháng năm 2021, Hoa Kỳ đã nhập khẩu từ Việt Nam trị giá 7,2 tỷ USD, tăng 29% so với cùng kỳ năm 2020. Việt Nam đang là đối tác cung ứng lớn nhất, chiếm khoảng 40% tổng giá trị nhập khẩu đồ gỗ nội thất của Hoa Kỳ. Nhu cầu tiêu dùng của người dân Hoa Kỳ đang tăng, đặc biệt trong những tháng cuối năm, chuẩn bị các dịp lễ lớn. Xu hướng làm việc tại nhà vẫn đang phổ biến và có thể kéo dài thêm nên chi tiêu cho đồ gỗ, nội thất gia đình dự kiến tiếp tục tăng.

## PHỤ LỤC

**Bảng 2. Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 11/2021**

STT	Sản phẩm	Tháng 11/2021 (USD)	Tăng/giảm so T10/2021	Tăng /giảm so T11/2020	Tỷ trọng T11/2021
1	Cà phê	25,378,570	67.7%	-2.5%	2.6%
2	Cao su	7,388,935	1.6%	9.3%	0.8%
3	Chè	1,330,061	236.9%	72.5%	0.1%
4	Gạo	1,478,657	10.8%	87.3%	0.2%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	516,227,736	-35.0%	47.6%	53.5%
6	Hàng rau quả	18,027,920	13.7%	16.0%	1.9%
7	Hàng thủy sản	218,972,661	51.0%	38.6%	22.7%
8	Hạt điều	103,363,239	51.3%	2.3%	10.7%
9	Hạt tiêu	17,724,532	59.1%	25.0%	1.8%
10	Mây tre đan	29,833,061	30.9%	46.0%	3.1%
11	SP từ cao su	23,101,824	-16.7%	-6.6%	2.4%
12	TĂGS &NL	2,102,878	-80.0%	-5.3%	0.2%
<b>Tổng XK NLTS</b>		<b>964,930,074</b>	<b>-13,8%</b>	<b>34%</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 3. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hoa Kỳ tháng 11/2021**

Loại sản phẩm	Tháng 10/2020		Tháng 10/2021		So sánh T9.2021/T9.2020	
	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
Gạo thơm	1.190	943.104	812	715.017	-31,8%	-24,2%
Gạo nếp	486	273.865	42	40.052	-91,4%	-85,4%
Các loại gạo khác	116	117.930	88	66.562	-24,2%	-43,6%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 4. Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hoa Kỳ tháng 11/2021**

TT	Sản phẩm	Tháng 10/2020	Tháng 10/2021	So sánh
		(USD)	(USD)	T10.2021/ T10.2020
	<b>Tổng giá trị XK</b>	<b>15.862.145</b>	<b>18.775.142</b>	<b>18,4%</b>
1	Dừa	1.397.722	3.499.600	150,4%
2	Thanh long	3.251.504	2.208.991	-32,1%
3	Sầu riêng	816.808	1.380.913	69,1%
4	Dứa	541.513	787.656	45,5%
5	Xoài	606.711	636.423	4,9%
6	Vú sữa	415.440	74.302	-82,1%
7	Nhãn		68.400	
8	Vải	34.570	13.318	-61,5%
9	Khác	8.797.878	10.105.539	14,9%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 5. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng cà phê sang Hoa Kỳ tháng 11/2021**

Mặt hàng	T11/2020 (USD)	T11/2021 (USD)	So sánh T11/2020 và T11/2021
Chưa rang chưa khử cafein	45.817	62.515	36,44%
Đã rang chưa khử cafein	1.439	1.056	-26,58%
Đã rang đã khử cafein	16	33	101,26%
Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê	3.727	1.304	-65,02%
Chưa rang đã khử cafein	4.120	647	-84,29%
Tinh chất, chiết xuất cô đặc	5.966	5.821	-2,42%
<b>Tổng</b>	<b>61.086</b>	<b>71.377</b>	<b>16,85%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 6: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang Hoa Kỳ tháng 11/2021**

Loại sản phẩm	Tháng 10/2020	Tháng 10/2021	So sánh
	(USD)	(USD)	T10.2021/ T10.2020
Cá da trơn	34.339.891,0	22.209.133,8	54,6%
Cá ngừ	37.354.149,7	24.780.063,4	50,7%
Cá rô phi	794.778,1	284.006,9	179,8%
Cua, gẹ	11.250.624,8	6.047.019,9	86,1%
Mực và bạch tuộc	2.399.822,8	1.077.451,3	122,7%
Tôm	90.797.883,0	73.717.966,8	23,2%
Thủy sản khác	20.786.507,6	16.853.995,8	23,3%
<b>Tổng</b>	<b>197.723.657,0</b>	<b>144.969.638,0</b>	<b>36,4%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*